

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động.

Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cẩm - Intimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 4700/QĐ-UB ngày 05/12/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070008 ngày 24/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 19/05/2014), Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: sản xuất bê tông thương phẩm;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá. Chi tiết: chế biến đá xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, xây lắp đường dây và lưới điện đến 35KV;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà đất;
- Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: bán buôn rượu, bia, nước giải khát;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị vận tải, thiết bị, phụ tùng máy bơm bê tông, thiết bị điện công nghiệp, gia dụng, công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

1.1 Công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Chu Lai

- Địa chỉ: Cụm CN Nam Chu Lai, Hòa Mỹ, Tam Nghĩa, Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0511.3788887
- Fax: (84) 0511.3788887

1.2 Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh tại Đà Nẵng

- Địa chỉ: Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Điện thoại: (84) 0511.3670000 – 3675155
- Fax: (84) 0511.3672516

Chi nhánh tại Khu Kinh tế mở Chu Lai

- Địa chỉ: Xã Tam Nghĩa, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0510.3853522

Chi nhánh Công ty CP Bê tông Hoà Cẩm - Intimex – Xi nghiệp Xây dựng Đại Giang

- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0510.3852811

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - ✓ Hoạt động bán bê tông thương phẩm và xây lắp: áp dụng mức thuế suất 10%.
 - ✓ Các hoạt động kinh doanh khác: áp dụng mức thuế suất tương ứng theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với dự án “Nhà máy Bê tông Chu Lai”:
 - Áp dụng mức thuế suất 10% trên lợi nhuận thu được. Dự án được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo. Với dự án này, Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2003 nên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ năm 2003 đến năm 2006 và giảm 50% thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2015. Ngoài ra, sau khi hết thời hạn miễn giảm trên Dự án còn được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 7 năm tiếp theo.
 - Ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 29/CN-UB ngày 08/09/2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam.
 - ✓ Đối với hoạt động xây lắp và các hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất 22%.
- Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5 Tiền

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	154.047.572	206.223.907
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.288.307.481	2.073.567.601
Cộng	1.442.355.053	2.279.791.508

6 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	80.317.642.210	65.682.328.412
- Phải thu của khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng		-
- Phải thu của khách hàng chiếm 10% trở xuống trên tổng phải thu khách hàng	80.317.642.210	65.682.328.412
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		-
- Công ty Cổ phần Chu Lai	-	-
Cộng	80.317.642.210	65.682.328.412

7 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
- Tạm ứng	62.819.344	12.219.000
- Các đối tượng khác	64.278.940	79.249.815
Cộng	127.098.284	91.468.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8 Hàng tồn kho

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.893.619.086	3.108.103.657
Công cụ, dụng cụ	212.573.427	99.353.427
Chi phí SXKD dở dang	601.308.754	601.308.754
Thành phẩm tồn kho	-	83.162.601
Cộng	4.707.501.267	3.891.928.439

9 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	54.212.425	15.333.337
Phí quản lý đường bộ	72.755.392	117.981.753
Cộng	126.967.817	133.315.090

10 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.638.935.926	15.075.746.325	56.189.251.135	278.689.884	84.182.623.270
Tăng trong kỳ	126.122.727	62.500.000	5.652.338.355		5.840.961.082
Giảm trong kỳ					
Số cuối kỳ	12.765.058.653	15.138.246.325	61.841.589.490	278.689.884	90.023.584.352
Khấu hao					
Số đầu năm	6.972.186.727	11.669.996.296	33.368.176.580	109.975.193	52.120.334.796
Tăng trong kỳ	159.518.645	370.269.961	1.926.005.745	18.361.638	2.474.155.989
Giảm trong kỳ					
Số cuối kỳ	7.131.705.372	12.040.266.257	35.294.182.325	128.336.831	54.594.490.785
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.666.749.199	3.461.068.211	22.821.074.555	113.396.509	32.062.288.474
Số cuối kỳ 30/06	5.633.353.281	3.097.980.068	26.547.407.165	150.353.053	35.429.093.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm		65.727.273	65.727.273
Tăng trong kỳ	-		
Giảm trong kỳ	-		
Số cuối kỳ	-	65.727.273	65.727.273
Khấu hao			
Số đầu năm		43.587.180	43.587.180
Khấu hao trong kỳ		8.906.058	8.906.058
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ		52.493.238	52.493.238
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	22.140.093	22.140.093
Số cuối kỳ 30/06	-	13.234.035	13.234.035

12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Trạm trộn bê tông	1.818.181.818	1.818.181.818
Cộng	1.818.181.818	1.818.181.818

13 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

		30/06/2015		31/12/2014
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.319.660.000		5.319.660.000
Góp vốn tại Công ty CP Chu Lai	493.626	5.319.660.000	493.626	5.319.660.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính d. hạn		(352.462.237)		(831.994.154)
Cộng		4.967.197.763		4.487.665.846

Giá trị vốn góp vào Công ty Cổ phần Chu Lai đến thời điểm 30/06/2015 là 5.319.660.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49,09 % vốn điều lệ. Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch (Công ty Cổ phần Chu Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

chưa phải là Công ty đại chúng) và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá cổ phiếu này tại ngày 30/06/2015.

14 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	175.248.936	53.676.265
Chi phí đền bù giải tỏa, san lấp mặt bằng		47.340.137
Chi phí trang trí nhà văn phòng làm việc	66.325.494	98.703.514
Cộng	241.574.430	199.719.916

15 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả người bán	22.894.406.103	21.630.377.291
- Phải trả người bán chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả khách hàng	10.184.163.100	11.202.618.700
+ Công ty TNHH Duy Thịnh	5.888.595.400	7.118.866.600
+ Công ty TNHH Khởi Phát Lộc	4.295.567.700	4.083.752.100
- Phải trả người bán chiếm 10% trở xuống trên tổng số phải trả khách hàng	12.565.782.985	10.427.758.591
Phải trả của người bán là các bên liên quan	7.444.067.000	4.854.212.000
- Công ty Cổ phần Chu Lai	7.444.067.000	4.854.212.000
Cộng	30.338.473.103	26.484.589.291

16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế GTGT phải nộp	554.412.829	709.827.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.431.787.302	479.422.890
Thuế thu nhập cá nhân	45.616.505	2.000.000
Cộng	2.031.816.636	1.191.250.071

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này sẽ có thể thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi vay phải trả	47.243.150	25.810.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Lãi vay phải trả mua sắm đầu tư TSCĐ	5.315.625	-
Cộng	52.558.775	25.810.182

18 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Kinh phí công đoàn	67.259.564	30.084.327
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp		1.332.045
Thù lao HDQT, BKS phải trả	204.000.000	408.000.000
Cổ tức phải trả	2.796.000	2.796.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.173.654	14.889.643
Cộng	312.229.218	457.102.015

19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Giá trị	30/06/2015	Phát sinh trong kỳ	Giá trị	31/12/2014
		Số có khả	Tăng	Giảm	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	VND	năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	18.134.581.040	18.134.581.040	108.037.834.427	105.172.300.138	15.764.046.751
+ BIDV - CN Đà Nẵng	10.892.189.338	10.892.189.338	26.736.198.935	25.414.265.972	9.570.256.375
+ VCB - CN Đà Nẵng	7.242.391.702	7.242.391.702	81.301.635.492	80.253.034.166	6.193.790.376
Vay dài hạn	7.972.000.000	7.972.000.000	4.252.500.000	-	3.719.500.000
+ BIDV - CN Đà Nẵng*	7.972.000.000	7.972.000.000	4.252.500.000	-	3.719.500.000
Cộng	26.106.581.040	26.106.581.040	112.290.334.427	105.667.300.138	19.483.546.751

(*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/257200/HĐTD ngày 28/08/2014 để đầu tư mua 01 xe bơm bê tông hiệu Hyundai HD320. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 48 tháng tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên (ngày 28/08/2014). Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm VND trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng, cộng (+) phí ngân hàng. Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần. - Tại thời điểm điều chỉnh nếu:

+ Lãi suất tiết kiệm VND trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng và/ hoặc mức phí không thay đổi thì áp dụng mức lãi suất cho vay áp dụng liên kế trước đó.

+ Lãi suất tiết kiệm VND trả sau kỳ hạn 12 tháng và/ hoặc mức phí thay đổi thì Ngân hàng sẽ tự động điều chỉnh mức lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ tiếp theo và thông báo cho Bên vay vốn biết.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay 01 xe bơm bê tông hiệu Hyundai HD320.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2014	36.705.220.000	(390.000)	5.424.936.348	1.473.237.531
Tăng trong kỳ				9.603.690.563
Giảm trong kỳ				1.473.237.531
Số dư tại 31/12/2014	36.705.220.000	(390.000)	5.424.936.348	9.608.271.918
Số dư tại 01/01/2015	36.705.220.000	(390.000)	5.424.936.348	9.608.271.918
Tăng trong kỳ			593.275.918	9.418.593.401
Giảm trong kỳ				2.267.275.918
Số dư tại 30/06/2015	36.705.220.000	(390.000)	6.018.212.266	16.759.589.401

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty CP Tập Đoàn Intimex	18.896.290.000	18.896.290.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.808.540.000	17.808.540.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	390.000	390.000
	36.705.220.000	36.705.220.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.670.522	3.670.522
- Cổ phiếu thường		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	39	39
- Cổ phiếu thường	39	39
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.670.483	3.670.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Cổ phiếu thường	3.670.483	3.670.483
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015 VND	31/03/2014 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.608.271.918	1.473.237.531
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.418.593.401	39.715.485
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	2.267.275.918	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	593.275.918	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng BĐH	1.674.000.000	
- Chi trả cổ tức		
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.759.589.401	1.512.953.016

e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty vào ngày 18/04/2015 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ, tương ứng 7.340.996.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty chưa chốt danh sách cổ đông được hưởng khoản cổ tức này.

21 Doanh thu

	Quý 2 năm 2015 VND	Quý 2 năm 2014 VND
Tổng doanh thu		56.448.737.716
+ Doanh thu Bê tông tại Nhà máy Bê tông Chu Lai	25.254.395.447	24.161.536.352
+ Doanh thu Bê tông tại Chi nhánh Đà Nẵng	17.050.379.027	14.975.704.885
+ Doanh thu Bê tông và khác tại Công ty	32.021.930.016	17.311.496.479
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.326.704.490	56.448.737.716

22 Giá vốn hàng bán

	Quý 2 năm 2015 VND	Quý 2 năm 2014 VND
+ Giá vốn Bê tông tại Nhà máy Bê tông Chu Lai	22.691.601.130	20.368.227.219
+ Giá vốn Bê tông tại Chi nhánh Đà Nẵng	14.838.587.376	12.873.199.208
+ Giá vốn Bê tông và khác tại Công ty	26.470.705.149	17.397.919.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Cộng	64.048.233.792	50.639.345.978
-------------	-----------------------	-----------------------

23 Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.779.669	1.435.293
Lãi khách hàng chậm thanh toán	2.346.500	
Cộng	5.126.169	1.435.293

24 Chi phí hoạt động tài chính	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	452.547.554	143.166.430
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(479.531.917)	(252.391.706)
Cộng	(26.984.363)	(109.225.276)

25 Chi phí khác	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
	VND	VND
Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành trực tiếp	73.500.000	147.000.000
Chi phí khác	357.290.011	13.450.000
Cộng	430.790.011	160.450.000

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.869.185.159	2.928.234.123
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN	321.548.148	171.450.000
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	510.838.148	171.450.000
+ Phạt nộp hành chính (phạt giao thông, thuế)	357.290.011	13.450.000
+ Thù lao HĐQT, BKS	73.500.000	147.000.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	80.048.137	11.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	189.290.000	
+ Thu nhập khác theo BB thanh tra thuế ngày 02/06/2015	189.290.000	
Tổng thu nhập chịu thuế	8.190.733.308	3.099.684.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Nhà Máy Bê tông Chu Lai	1.891.864.170	2.407.536.688
- Hoạt động sản xuất Bê tông, xây lắp và hoạt động khác	6.298.869.138	692.147.435
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.574.937.627	355.138.361
- Nhà Máy Bê tông Chu Lai (10%)	189.186.417	240.753.669
- Hoạt động s. xuất Bê tông, xây lắp và hoạt động khác (22%)	1.385.751.210	114.384.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	94.593.208	136.163.394
-Giảm 50% số thuế TNDN dự án NM Bê tông Chu Lai	94.593.208	136.163.394
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.160.982.875	218.974.967
- Thuế TNDN truy thu các năm trước theo BB thanh tra thuế	680.638.456	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.480.344.419	218.974.967
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.478.125	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.960.724.159	2.709.259.156

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.960.724.159	2.709.259.156
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các Cổ đông sở hữu Cổ phiếu		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.670.483	3.670.483
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	1.550	738

26. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

27. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (Báo cáo này đã được kiểm toán bởi AAC), số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014 được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ngô Văn Long

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Quảng Nam, ngày 20 tháng 07 năm 2015